

Số: 2371/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung đã được công bố tại Stt 3 Mục B Phần I và Stt 3 Mục II Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 814/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan và Stt 182 Mục I lĩnh vực hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách, thuế, phí và lệ phí, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng các Chi cục Hải quan khu vực và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục CST (b) *ty*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH
VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ
TÀI CHÍNH**

*(Kèm theo Quyết định số 2371/QĐ-BTC ngày 04 tháng 7 năm 2025
của Bộ Tài chính)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	1.007902	Thủ tục kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa	Điều 33 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	Stt 3 Mục B Phần I và Stt 3 Mục II Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 814/QĐ- BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Thủ tục hành chính cấp trung ương

Lĩnh vực Hải quan

Thủ tục kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế mua hàng hóa tại Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh quy định tại Điều 33 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, xuất trình cho cơ quan hải quan tại quầy kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, các giấy tờ sau đây:

- Hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh.
- Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế.
- Hàng hóa.

Bước 2: Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa tại quầy kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa. Việc kiểm tra thực hiện như sau:

a) Đối chiếu xác định từng nội dung khớp đúng giữa thông tin ghi trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh với thông tin trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; thông tin hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (Hệ thống) do doanh nghiệp bán hàng gửi, Hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế và các quy định về hàng hóa được hoàn thuế quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

b) Kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hóa phải kiểm tra thực tế theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

Trường hợp hàng hóa xuất trình không phù hợp với mô tả hàng hóa tại hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế hoặc hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế ghi không đầy đủ thông tin theo quy định hoặc hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế không có trên Hệ thống, Hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế (trừ trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố) thì cơ quan hải quan trao đổi, xác minh với doanh nghiệp bán hàng. Trường hợp thông tin trao đổi với doanh nghiệp bán hàng không khớp đúng với thông tin hàng hóa, hóa đơn và hộ chiếu thì cơ quan hải quan từ chối hoàn thuế.

c) Ghi kết quả kiểm tra, đóng dấu đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế. Trường hợp cơ quan hải quan đồng ý hoàn thuế thì xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước

ngoài thực tế được hoàn theo quy định tại điểm 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

d) Cập nhật thông tin theo quy định tại tiết b4 điểm 4 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP vào Hệ thống, ký số.

Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố, cơ quan hải quan ký, đóng dấu xác nhận đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế vào hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại quầy làm thủ tục kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh (bản chính).
- Xuất trình hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế (bản chính).
- Hàng hóa.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trước khi người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm thủ tục xuất cảnh và trước giờ lên tàu bay, tàu biển của chuyến bay, chuyến tàu người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài xuất cảnh.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trừ thành viên của Tổ bay theo quy định của pháp luật về hàng không, thành viên của Đoàn thủy thủ theo quy định của pháp luật về hàng hải) mang hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế mua hàng hóa tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu.

6.2. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

6.3. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu.

6.4. Cơ quan phối hợp (nếu có): các ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan ghi kết quả kiểm tra; xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực tế được hoàn; ký, đóng dấu xác nhận đã kiểm tra vào hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế - Mẫu tham khảo số 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trừ thành viên của Tổ bay theo quy định của pháp luật về hàng không, thành viên của Đoàn thủy thủ theo quy định của pháp luật về hàng hải) mang hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh qua các cửa khẩu hoàn thuế.

- Hàng hóa được hoàn thuế giá trị gia tăng là hàng hóa theo quy định tại điểm 1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26 tháng 11 năm 2024.

- Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024.

- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Mẫu tham khảo số 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC

Trang 1 (Page 1)

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

.....ngày.....tháng.....năm.....(.....day month year.....)

PHẦN A (do cửa hàng ghi) PART A (completed by retailer)	
1. Thông tin về doanh nghiệp (Company's information)	
a. Tên đơn vị bán hàng (Name of retailer):	
b. Mã số thuế (Tax code):	
c. Địa chỉ (Address):	
2. Thông tin về khách hàng (Tourist's information)	
a. Họ và tên (Full name):	
b. Số hộ chiếu (Passport number)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):	
Ngày cấp hộ chiếu (Date of issue)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):	
Ngày hết hạn hộ chiếu (Date of expiry)/Giấy tờ nhập xuất cảnh (Entry or exit documents):	
c. Quốc tịch (Nationality):	
3. Thông tin về hàng hóa (Commodities' information)	

STT (No)	Tên hàng hóa (Name of goods) (1)	Đơn vị tính (Unit of measure ment)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế suất (Tax rate)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount including VAT)
1	2	3	4	5	6	7 = 4 x 5	8 = 6 x 7	9 = 7 + 8
1	A							
2	B							
3	C							
...	...							
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total excluding VAT):								
Tổng số tiền thuế GTGT (Total VAT):								
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):								
Số tiền viết bằng chữ (Total payment by word):								

Người nước ngoài mua hàng
(Tourist)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature and full name)

Đại diện đơn vị bán hàng (Seller)
(Chữ ký số người bán)

Trang 1/2 (page 1/2)

Ghi chú: (1) bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử.

Note: (1) including trademarks and markings (products' serial, model numbers (if available), origin for imported goods, or engine number for electro-mechanical goods

Trang 2 (page 2)

Mẫu số (Form No):

Ký hiệu (Reference No):

Số (No):

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG KIỂM TỜ KHAI HOÀN THUẾ
(VAT INVOICE CUM TAX REFUND DECLARATION)**

...ngày...tháng.....năm..... (...day... month... year...)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài (Important notice to tourists)

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để được hoàn thuế giá trị gia tăng;
(Tourists must fulfill all the conditions specified in Circular No 72/2014/TT-BTC dated 30/5/2014; Circular No 92/TT-BTC dated 31/12/2019 amending, supplementing the Circular No 72/2014/TT-BTC by the Minister of Finance to be eligible for VAT refund)
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn); (Tourists must claim for VAT refund within 60 days from the date of purchase (from the date of issuing invoice)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/ đường biển tại sân bay quốc tế/ cảng biển quốc tế. (Tourists shall claim for VAT refund when departing from International Airport/ International Seaport)

Phần B (Dành cho cơ quan hải quan) (Part B (completed by customs))

Ghi kết quả kiểm tra hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, tính số thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn (Examination results of VAT refund invoice and declaration, goods; calculation of VAT amount refunded to tourist)

- Kết quả kiểm tra hàng hóa, tính số thuế GTGT được hoàn (Result of goods examination, calculation of VAT refund amount):

STT (No)	Tên hàng (Name of goods)	Số lượng (Quantity)	Số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn kiểm tờ khai hoàn thuế (VAT amount declared in VAT refund invoice and declaration)	Số tiền thuế GTGT được hoàn theo công thức quy định tại Điều 12 Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (VAT amount refunded to tourist using the formula stated in Article 12 of the Circular 72/2014/TT-BTC of the Minister of Finance)
1	A			
2	B			
3	C			
...	...			
Tổng cộng (Total)				

.....ngày.....tháng.....năm..... (...day... month... year...)

Người kiểm tra (Examination officer)

(Ký, đóng dấu công chức, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)

**PHẦN C (Dành cho ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế)
Part C (completed by commercial bank approved as VAT refund agent)**

- Số hiệu, ngày tháng chuyến bay/chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh:

(Date and number of the Flight/Ship of the tourist)

- Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh:

(VAT amount refunded for the tourist)

- Hình thức thanh toán (Payment methods):

+ Tiền mặt (Cash) ☐

+ Qua thẻ quốc tế (Via international card) ☐

++ Số thẻ (6 số đầu và 4 số cuối của thẻ)

Card number (first six and last four digits of a card)

++ Tên thẻ:

(Cardholder name)

..... ngày... tháng.....năm..... (...day... month... year...)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) (Signature, stamp and full name)